

Vĩ mô đầu tuần: Chỉ số PMI dịch vụ tại Mỹ, số liệu kinh tế Việt Nam tháng 7

Phạm Vũ Thăng Long
Giám Đốc Cấp Cao, Kinh Tế Vĩ Mô
long.pvthang@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4805

- Tuần này, chỉ số PMI dịch vụ tháng 7 của Mỹ được dự báo sẽ cho thấy tốc độ tăng trưởng mạnh nhất trong 3 tháng. Trong khi đó, thị trường sẽ đánh giá chính sách thuế quan mới của ông Trump sau khi được công bố vào ngày 1/8/2025.
- Tại châu Âu và châu Á, thị trường sẽ hướng tới Ngân hàng trung ương Anh về khả năng cắt giảm lãi suất điều hành, số liệu thương mại và lạm phát của Trung Quốc và GDP tại Indonesia và Philippines.
- Tại Việt Nam, hoạt động thương mại tháng 7 được kỳ vọng vẫn tiếp tục vững chắc với KNXK và KNNK tăng lần lượt 13% và 15%, mặc dù đều giảm tốc so với tháng 6/2025, trong khi chỉ số CPI được dự báo sẽ giảm xuống 3,45% từ 3,57% do giá thịt lợn và xăng dầu giảm xuống.

Những thông tin kinh tế chính công bố trong tuần

Tuần này, chỉ số PMI dịch vụ tháng 7 của Mỹ được dự báo sẽ cho thấy tốc độ tăng trưởng mạnh nhất trong 3 tháng. Thị trường sẽ tiếp tục đánh giá chính sách thuế quan mới của ông Trump, sau khi Mỹ công bố mức thuế quan toàn diện cho tất cả các đối tác thương mại vào ngày 1/8/2025.

Tại châu Âu, thị trường sẽ hướng tới Anh với những kỳ vọng về NHTW Anh sẽ giảm 25 điểm cơ bản lãi suất điều hành xuống 4% trước những lo ngại về tăng trưởng. Trong khi đó, tại châu Á, thị trường sẽ theo dõi hoạt động thương mại và lạm phát của Trung Quốc với thặng dư thương mại nhiều khả năng sẽ giảm nhẹ trong tháng 7/2025. Ngoài ra, GDP tại Indonesia và Philippines cũng sẽ được công bố.

Tại Việt Nam, trong tháng 7, hoạt động thương mại được kỳ vọng sẽ tiếp tục mạnh mẽ (mặc dù thấp hơn tháng 6) với KNXK và KNNK tăng lần lượt 13% và 15% so với cùng kỳ, trong khi CPI có thể giảm từ 3,57% xuống 3,45% do giá thịt lợn và xăng dầu giảm xuống. Tuần trước, tỷ giá USD/VND giao ngay (niêm yết tại VCB) tăng 0,268% lên 26.195. Trong khi đó, chỉ số VN Index giảm 2,3% xuống 1.495,21 điểm, kết thúc 6 tuần tăng điểm liên tiếp.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 3/8.

Bảng 1: Các số liệu kinh tế vĩ mô quan trọng

Các số liệu kinh tế vĩ mô chính công bố trong tuần của Mỹ, EU, Trung Quốc và Việt Nam

Ngày	Sự kiện	Trước	Thực tế	Dự báo
1-8-25	Việt Nam: PMI sản xuất (T7-25)	48.9	52.4	50.2
	Trung Quốc: PMI sản xuất (T7-25)	50.4	49.5	50.2
	EU: Tỷ lệ lạm phát (T7-25, y/y %, sơ bộ)	2.0	2.0	1.9
	EU: PMI sản xuất (T7-25, chính thức)	49.5	49.8	49.8
	Mỹ: PMI sản xuất (T7-25, chính thức)	52.9	49.8	49.5
	Mỹ: Số lượng việc làm phi nông nghiệp (T7-25)	14,000	73,000	110,000
	Mỹ: Tỷ lệ thất nghiệp (T7-25, %)	4.1	4.2	4.2
	Mỹ: Thu nhập bình quân theo giờ (T7-25, m/m %)	0.2	0.3	0.3
	Mỹ: Thu nhập bình quân theo giờ (T7-25, y/y %)	3.8	3.9	3.8
4-8-25	Trung Quốc: PMI dịch vụ (T7-25)	50.6		50.2
	EU: PMI dịch vụ (T7-25, chính thức)	50.5		51.2
	Mỹ: PMI dịch vụ (T7-25, chính thức)	52.9		55.2
6-8-25	Việt Nam: KNXK (T7-25, y/y %)	16.3		13.0
	Việt Nam: KNNK (T7-25, y/y %)	20.2		15.0
	Việt Nam: Cán cân thương mại (T7-25, USD)	2.8 tỷ		2.1 tỷ
	Việt Nam: CPI (T7-25, y/y %)	3.57		3.45
	Việt Nam: Doanh số bán lẻ (T7-25, y/y %)	8.3		8.0
	Việt Nam: Giá trị sản xuất công nghiệp (T7-25, y/y %)	10.8		9.0
7-8-25	Trung Quốc: Cán cân thương mại (T7-25, USD)	114.8 tỷ		103.5 tỷ
	Trung Quốc: KNXK (T7-25, y/y %)	5.8		
	Trung Quốc: KNNK (T7-25, y/y %)	1.1		
9-8-25	Trung Quốc: Tỷ lệ lạm phát (T7-25, y/y %)	0.1		-0.1
	Trung Quốc: Tỷ lệ lạm phát (T7-25, m/m %)	-0.1		
	Trung Quốc: PPI (T7-25, y/y %)	-3.6		-3.2

Nguồn: Investing.com, tradingeconomics.com, HSC

Việt Nam

Trong tháng 7, hoạt động thương mại được kỳ vọng sẽ tiếp tục mạnh mẽ (mặc dù thấp hơn tháng 6) với KNXK và KNNK tăng lần lượt 13% và 15% so với cùng kỳ, trong khi CPI có thể giảm từ 3,57% xuống 3,45% do giá thịt lợn và xăng dầu giảm xuống. Tuần trước, tỷ giá USD/VND giao ngay (niêm yết tại VCB) tăng 0,268% lên 26.195. Trong khi đó, chỉ số VN Index giảm 2,3% xuống 1.495,21 điểm, kết thúc 6 tuần tăng điểm liên tiếp.

Hoạt động thương mại tháng 7

Hoạt động thương mại

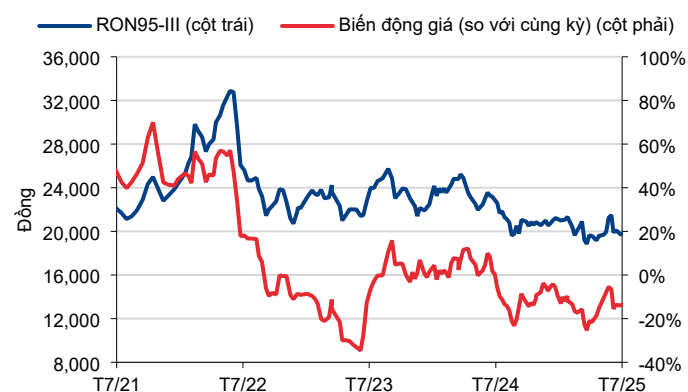
Trong tháng 7, KNXK và KNNK được dự báo tăng lần lượt 13% và 15% so với cùng kỳ, giảm tốc so với tăng lần lượt 16,3% và 20,2% trong tháng 6/2025, phản ánh xu hướng tiếp tục đẩy mạnh nhập khẩu trước khi [mức thuế suất 20%](#) mới cho hiệu lực kể từ ngày 8/8/2025.

Lạm phát

HSC dự báo CPI sẽ giảm xuống 3,45% từ 3,57% trong tháng 6/2025 do những nguyên nhân (1) chi phí giao thông giảm xuống sau khi chi phí xăng dầu điều chỉnh (Biểu đồ 2) và (2) chi phí thực phẩm, đặc biệt là thịt lợn giảm (Biểu đồ 3).

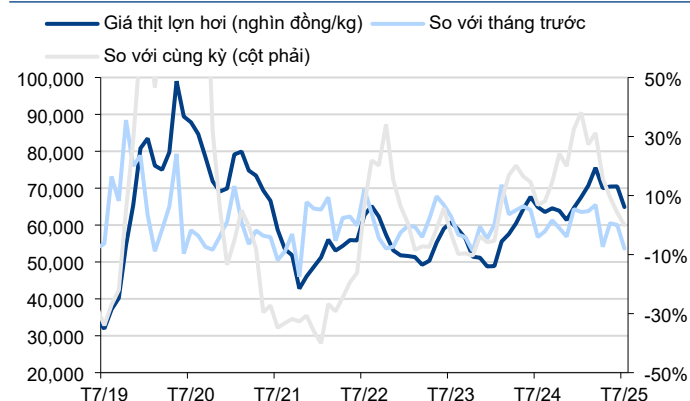
Biểu đồ 2: Giá xăng

Giá xăng trong nước giảm 3,3% so với tháng trước trong tháng 7



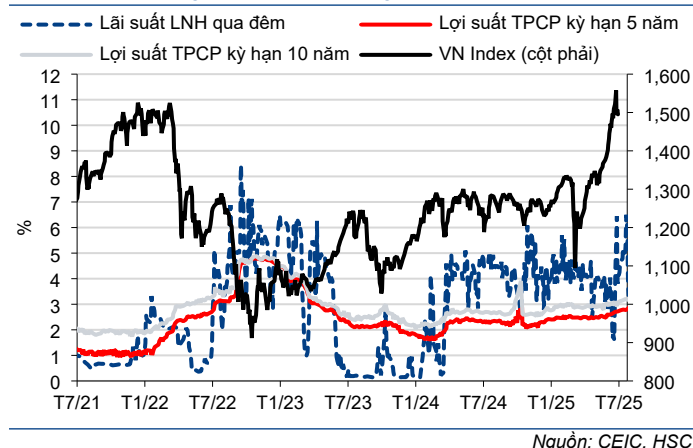
Biểu đồ 3: Giá thịt lợn hơi

Trong tháng 7, giá thịt lợn trong nước giảm 8%



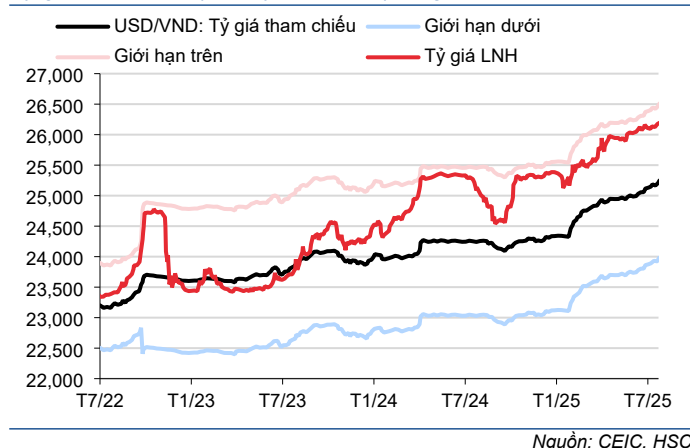
Biểu đồ 4: Lãi suất & diễn biến TT chứng khoán hàng tuần

Chỉ số VN Index giảm 2,3% và đóng cửa tại 1.495,21 điểm



Biểu đồ 5: Biến động tỷ giá USD/VND hàng tuần

Tỷ giá USD/VND (niêm yết tại VCB) tăng 0,268% lên 26.195



Cập nhật hàng tuần xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá

HSC cập nhật xu hướng thị trường chứng khoán và biến động tỷ giá trong Biểu đồ 4 và 5.

Bảng 6: Dữ liệu kinh tế vĩ mô thực tế & dự báo của HSC

	2019	2020	2021	2022	2023	2024E	2025F	2026F	2027F
Tỷ giá									
Tỷ giá (VND: USD) (cuối năm)	23,155	23,085	22,765	23,555	24,265	25,480	26,600	26,800	26,800
Tỷ giá (VND: CNY)	3,317	3,535	3,579	3,415	3,418	3,491	3,619	3,646	3,622
GDP và việc làm									
Tốc độ tăng trưởng GDP hàng năm (%)	7.36	2.87	2.58	8.10	5.05	7.09	6.50	6.20	7.00
GDP (tỷ USD)	332	346	370	411	433	476	494	524	560
GDP bình quân đầu người (USD)	3,398	3,558	3,757	4,132	4,317	4,702	4,833	5,078	5,378
Tài khoản vãng lai/GDP (%)	3.67	4.35	-2.20	-0.26	6.51	5.48	3.64	2.48	2.68
Nợ công/GDP (%)	42.8	43.8	44.7	37.4	36.9	37.0	37.3	38.6	40.1
Nợ Chính phủ/GDP (%)	37.4	38.5	39.6	34.7	33.3	33.0	33.6	35.2	37.0
Thâm hụt ngân sách Nhà nước (% GDP)	2.09	2.71	2.55	3.08	3.48	3.47	3.71	4.21	4.67
Tổng dư nợ tín dụng / GDP	106.3	115.0	124.4	125.3	132.7	135.7	142.6	148.7	155.6
FDI giải ngân / FDI (%)	6.1	5.8	5.3	5.4	5.4	5.3	5.4	5.3	5.2
Tỷ lệ thất nghiệp, cuối năm (%)	2.15	2.37	3.56	2.32	2.26	2.22	2.50	2.60	2.50
Giá cả									
Lạm phát bình quân 12 tháng (% so với cùng kỳ)	2.8	3.2	1.8	3.1	3.3	3.6	3.4	3.3	3.2
CPI, cuối năm (% so với cùng kỳ)	5.2	0.2	1.8	4.5	3.6	2.9	3.4	3.5	3.4
Tiền tệ và lãi suất									
Lãi suất điều hành (%)	6.00	4.00	4.00	6.00	4.50	4.50	4.00	4.00	4.00
Lãi suất qua đêm liên ngân hàng (%)	1.4	0.2	0.7	4.4	0.5	4.0	3.8	3.3	3.3
Tăng trưởng tín dụng (y/y %)	13.6	12.2	13.6	14.2	13.5	15.1	16.0	13.0	14.0
Cung tiền M2 (nghìn tỷ đồng)	10,574	12,111	13,402	14,227	15,999	17,915	20,243	22,875	25,849
Cung tiền M2 (% so với cùng kỳ)	14.8	14.5	10.7	6.2	12.5	12.0	13.0	13.0	13.0
Dự trữ ngoại hối (tỷ USD)	79	95	107	85	90	81	78	75	85
Lãi suất tiền gửi 12 tháng (%)	6.8	5.6	5.5	7.4	4.8	4.6	4.6	4.7	4.7
Trần lãi suất huy động (< 6 tháng, %)	5.0	4.0	4.0	6.0	4.75	4.75	4.75	4.75	4.75
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 5 năm (%)	2.4	1.2	1.0	4.6	1.9	2.4	3.0	3.1	3.2
Trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 10 năm (%)	3.2	2.0	2.9	4.8	2.2	2.8	3.2	3.3	3.4
Thương mại và kinh tế đối ngoại									
Cán cân thương mại (tỷ USD)	10.9	19.9	3.3	12.1	28.4	24.8	16.2	10.2	13.2
Tài khoản vãng lai (tỷ USD)	12.2	15.1	-8.1	-1.1	28.2	26.1	18.0	13.0	15.0
Kim ngạch nhập khẩu (tỷ USD)	253	263	333	360	326	381	417	432	464
Kim ngạch nhập khẩu (% so với cùng kỳ)	6.7	3.7	26.7	8.0	-9.2	16.7	9.5	3.5	7.5
Kim ngạch xuất khẩu (tỷ USD)	264	283	336	372	355	406	433	442	477
Kim ngạch xuất khẩu (% so với cùng kỳ)	8.0	6.9	18.9	10.6	-4.6	14.3	6.8	2.0	8.0
Nợ nước ngoài (tỷ USD)	123	129	140	149	142	155	162	172	177
Nợ nước ngoài/GDP (%)	36.9	37.3	37.7	36.2	32.7	32.6	32.8	32.8	32.8
Vốn FDI giải ngân (tỷ USD)	20.4	20.0	19.7	22.4	23.2	25.4	26.9	27.7	29.3
Vốn FDI cam kết (tỷ USD)	38.0	28.5	31.2	27.7	39.4	38.2	42.0	40.8	44.9
Kinh doanh & Tiêu dùng									
PMI ngành sản xuất (cuối năm)	50.8	51.7	52.5	46.4	48.9	49.8	51.0	50.0	51.0
Chỉ số sản xuất công nghiệp (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	6.2	9.5	8.7	0.2	5.8	8.8	8.3	6.5	7.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo (% so với cùng kỳ) (cuối năm)	7.0	13.1	10.9	0.6	7.6	10.2	9.0	6.5	8.5
Chỉ số sản xuất ngành chế biến, chế tạo hàng năm (%)	10.5	4.9	6.0	8.0	3.6	9.8	10.5	5.0	9.5
Doanh số bán lẻ danh nghĩa hàng năm (%)	11.3	-0.9	-9.1	19.8	9.4	9.0	10.0	10.0	12.0

Ghi chú: Lạm phát bình quân 12 tháng là lạm phát bình quân trượt 12 tháng của lạm phát tổng thể so với cùng kỳ, sử dụng phép tính trung bình nhân.

Lạm phát trung bình 12 tháng tại thời điểm $t_0 = [(1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t-11) \times \dots \times (1 + \text{lạm phát y/y tại thời điểm } t_0)]^{(1/12)} - 1$

Nguồn: Bloomberg, GSO, IMF, MoF, WB, HSC

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
 Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
 Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
 76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
 T: (+84 28) 3823 3299
 F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
 16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
 T: (+84 24) 3933 4693
 F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn